

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-PT
Ngày 02-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Văn Tĩnh

Ông Đặng Minh Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Hoàng Trần Trọng An -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:* Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLPT- DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn 4, xã Thuỷ Sơn, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 5, xã Thuỷ Sơn, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Văn T, sinh năm 1954 và anh Đào Cường V, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 4, xã Thuỷ Sơn, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Vũ Thị N và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Đào Văn T, anh Đào Cường V) trình bày:

Ngày 27/5/2011, chị Ngô Thị H vay của bà 08 cây vàng 9999 (tức 80 chỉ vàng 9999) thỏa thuận lãi 2.400.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết gốc, hạn đến tháng 10/2011 (âm lịch) chị Ngô Thị H sẽ trả hết gốc. Giấy vay do chị H tự viết và ký tên. Đến hạn trả gốc nhưng chị H không trả cho bà, bà đã nhiều lần tìm gặp chị H và yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H cứ khất hết lần này đến lần khác. Ngày 16/5/2012, chị H viết giấy khất nợ và hạn đến tháng 8/2012 (dương lịch) trả trước cho bà 04 cây vàng, còn lại sẽ trả sau vào tháng 12/2012, nhưng chị H cũng không thực hiện.

Ngày 06/02/2016, chị H trả cho bà được 03 chỉ vàng. Bà vẫn nhiều lần đơn đốc chị H phải trả hết nợ gốc cho bà, nhưng chị H vẫn không trả. Năm 2019, gia đình bà xây nh ở và có mua gạch của chị Ngô Thị H trị giá tiền gạch là 70.000.000 đồng, gia đình bà đã trả cho chị H 35.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng thì chị H trừ vào số vàng còn đang nợ bà tại thời điểm tháng 8/2019. Từ đó đến nay bà vẫn nhiều lần yêu cầu chị H phải trả cho bà hết số nợ còn lại nhưng chị H vẫn không trả.

Sau khi trừ đi 03 chỉ vàng chị H đã trả ngày 06/02/2016 và 35.000.000 đồng trừ vào tiền mua gạch tháng 8/2019 thì hiện nay chị H còn nợ bà là: 77 chỉ vàng loại 9999 tương đương số tiền 415.800.000 đồng (tại thời điểm bà viết đơn khởi kiện ngày 16/3/2022 thì 01 chỉ vàng 9999 tương đương 5.400.000 đồng) trừ đi 35.000.000 đồng tiền mua gạch, chị H còn nợ bà số tiền là 380.000.000 đồng nợ gốc. Chị H đã trả lãi cho bà đến hết tháng 12/2012 nhưng bà không ghi vào trong sổ của bà.

Số vàng mà chị H vay của bà nguồn gốc là của vợ chồng bà (chồng bà là ông Đào Văn T) và con bà (anh Đào Cường V) làm ăn tích cóp mà có. Bà chỉ cho chị H vay và cũng chỉ có chị H viết và ký giấy vay, không liên quan gì đến chồng của chị H là anh Vũ Huy Hùng, anh Hùng không biết việc này.

Nay bà yêu cầu chị Ngô Thị H phải trả cho bà số vàng còn nợ quy đổi tHnh tiền tính đến ngày Tòa án xét xử và số tiền lãi kể từ tháng 01/2013 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất thỏa thuận là 2.400.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết gốc.

Tại biên bản làm việc ngày chị Ngô Thị H trình bày: Ngày 27/5/2011 chị có vay của bà N 80 chỉ vàng 9999, thỏa thuận lãi 2.400.000đồng/tháng, hai bên có làm giấy vay và chị có ký vào giấy vay tiền. Ngày 06/2/2016 chị đã trả cho bà N 03 chỉ vàng. Đến năm 2019, khi bà N làm nh có mua nguyên vật liệu tại cửa Hng nh chị, chị đã khấu trừ 35.000.000đồng vào nợ gốc cho bà N, tương ứng với 11 chỉ vàng tại thời điểm đó. Số tiền này chị xác nhận là của riêng cá nhân chị. Đến nay, chị xác nhận còn nợ gốc 66 chỉ vàng. Về lãi, hai bên thỏa thuận thống nhất 2.400.000đồng/tháng, nhưng do chị làm ăn thua lỗ nên chị đề nghị bà N miễn cho

chị tiền lãi, khi nào có chị sẽ trả sau. Do hoàn cảnh công việc nên chị đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm.

Tại Bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của TAND huyện Thủy Nguyên đã Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị N: Buộc bị đơn là chị Ngô Thị H phải trả cho bà Vũ Thị N số vàng còn nợ là 66 chỉ vàng 9999, quy đổi ra tiền V Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 339.240.000 đồng và số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 276.000.000 đồng. Chị Ngô Thị H phải trả cho bà Vũ Thị N cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 615.240.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2022 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy nguyên kháng nghị, đề nghị sửa bản án sơ thẩm với lý do:

- Bản án sơ thẩm xác định giá vàng tại thời điểm tháng 8/2019 trên cơ sở 01 biên bản xác minh tại cửa Hng vàng của Công ty Cổ phần Bắc Mật (3.200.000đồng/chỉ), mà không thu thập tài liệu về giá vàng của Cơ quan có thẩm quyền hoặc thu thập Quyết định niêm yết giá vàng của các tổ chức hoạt động kinh doanh vàng tại thời điểm tháng 8/2019 là chưa đảm bảo tính chính xác, toàn diện. Tại phiên toà nguyên đơn bà N khai giá vàng tại thời điểm 8/2019 là 4.200.000đồng/chỉ , Toà án chưa làm rõ những đã tuyên quy đổi 35.000.000đ tHnh 11 chỉ vàng để khấu trừ vào số vàng nợ gốc là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

- Việc tuyên bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 339.242.000đồng quy đổi từ 66 chỉ vàng là vi phạm quy định tại Điều 474 BLDS 2005 (nay là 466 Bộ luật Dân sự 2015). Trường hợp này cần tuyên bị đơn trả lại nguyên đơn trả lại nợ gốc là vàng, việc quy đổi vàng ra tiền tại thời điểm xét xử chỉ để xem xét tính án phí.

- Việc Toà án tuyên lãi suất đối với việc vay vàng là không phù hợp với khoản 1 mục I Thông tư 01/TTLT ngày 16-6-1997 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi Hnh án về tài sản. Theo đó Ngân Hng nH nước đã chấm dứt việc huy động và cho vay vốn bằng vàng, do vậy không có quy định về lãi suất huy động và cho vay vốn bằng vàng, không quy về mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng. Do đó, không được áp dụng lãi suất với số vàng chị H còn nợ bà N chưa trả.

Trong trường hợp lãi suất thì Bản án sơ thẩm xác định số tiền lãi bị đơn phải trả nguyên đơn tính từ tháng 01/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 8/2022 bằng 115 tháng) là $2.400.000\text{đồng/tháng} \times 115 \text{ tháng} = 276.000.000\text{đồng}$ là không chính xác. Vì theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì lãi suất 2.400.000đồng/tháng tương ứng với số nợ gốc 80 chỉ vàng 999. Tại thời điểm ngày 06/02/2016 chị H đã trả bà N 03 chỉ vàng; đến tháng 8/2019 bà N mua gạch của chị H và khấu trừ số tiền 35.000.000đồng thì số nợ gốc đã giảm đi. Như vậy cách tính lãi suất cố định là 2.400.000đồng/tháng là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn. Trường hợp tính lãi suất thì cần xác định mức lãi suất 2 bên thỏa thuận 2.400.000đồng/tháng/80 chỉ vàng tương ứng mức lãi suất bao nhiêu % để làm căn cứ xác định lãi suất và số dư nợ gốc còn lại tương ứng với từng thời điểm.

Do vậy đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tính lại số vàng được quy đổi từ số tiền 35.000.000đồng theo giá thị trường tại thời điểm tháng 8/2019, trên cơ sở đó tính lại chính xác số vàng bị đơn còn nợ nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả số nợ gốc là vàng (chỉ quy đổi để tính án phí); không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phần trả lãi 2.400.000đồng/tháng từ tháng 01/2013 đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Vũ Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn T, anh Đào Cường V vắng mặt. Chị Ngô Thị H vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tHnh phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp Hnh đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Giữ nguyên các nội kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T.

Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các Quyết định niêm yết giá vàng của một số cửa Hng vàng tại địa phương về giá vàng 9999 tại thời điểm cho vay là ngày 27/5/2011; thời điểm trả số tiền 35.000.000 đồng là tháng 8/2019 và giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 24/8/2022. Viện kiểm sát đã ban Hnh Văn bản yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ để Tòa án thu thập bổ sung các tài liệu tại Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giá vàng tại các thời điểm nêu trên (Quyết định niêm yết giá vàng nhãn 9999 tại từng thời điểm). Tuy nhiên đến thời điểm xét xử sơ thẩm Tòa án huyện vẫn chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu để làm căn cứ giải quyết vụ án, mà vẫn quyết định ra bản án chỉ dựa trên 01 biên bản xác minh do thư ký Tòa án lập với của Hng vàng của Công ty cổ phần Bắc Mật mà không thu thập quyết định niêm yết giá vàng của một số cửa

Hàng vàng tại thời điểm trên là chưa đảm bảo tính chính xác, toàn diện. Mặt khác, tại phiên tòa, nguyên đơn khai giá vàng tại thời điểm tháng 8 năm 2019 là 4.200.000 đồng/chỉ, mâu thuẫn này chưa được Tòa án làm rõ nhưng đã tuyên quy đổi 35.000.000 đồng thành 11 chỉ vàng để khấu trừ vào số vàng nợ gốc đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn. Bên cạnh đó, Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 339.240.000 đồng quy đổi từ 66 chỉ vàng là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều luật quy định: *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Việc nhận định, đánh giá chứng cứ và quan điểm giải quyết vụ án, quyết định kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành xác minh, thu thập được lời khai bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện: bị đơn công nhận lời khai của nguyên đơn là bà N là đúng, chị có vay của bà N 80 chỉ vàng, ngày 06/02/2016 đã trả được 03 chỉ vàng; năm 2019 có khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng bà N mua vật liệu của chị tương đương 11 chỉ vàng tại thời điểm năm 2019. Hiện còn nợ bà N 66 chỉ vàng. Về khoản tiền lãi, chấp nhận lãi thỏa thuận là 2.400.000 đồng/tháng kể từ tháng 1/2013 đến thời điểm xét xử là tháng 8/2022 là 115 tháng = 276.000.000 đồng; bị đơn xin nguyên đơn cho miễn trả lãi; khi nào có điều kiện sẽ trả.

Lời khai của anh Vũ Huy Hùng (chồng của chị H) khai: Việc chị H và bà N vay vàng và khấu trừ nợ là việc riêng của chị H và bà N; anh Hùng không có ý kiến gì và không liên quan; đề nghị không đưa anh Hùng vào tham gia tố tụng.

Như vậy, xác định toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đối với Bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Xong việc các đương sự đã thống nhất về số vàng đã trả, số vàng còn nợ và số tiền lãi đã thỏa thuận là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn; không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội; cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cần thiết sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần đã tuyên *“quy đổi 66 chỉ vàng 9999 ra tiền VNĐ đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 339.240.000 đồng”* theo hướng buộc chị H phải trả cho bà N 66 chỉ vàng theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với việc quy đổi 35.000.000 đồng tương đương 11 chỉ vàng đã trả, nguyên đơn là người có quyền lợi trong việc xác định giá vàng quy đổi trên, xong nguyên đơn không kháng cáo phần này nên đề nghị Hội đồng xét xử không sửa án

phần này. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn chấp nhận xác định trả lãi thỏa thuận là 2.400.000 đồng/tháng và xin miễn phần lãi. Như vậy việc tính lãi đối với vay vàng bị đơn tự nguyện xác định có lãi nên chấp nhận việc thỏa thuận của các đương sự về việc tính lãi của Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đối với lãi suất thỏa thuận trên cần phải tính trên số vàng thực tế còn nợ ở các giai đoạn khác nhau, không có căn cứ tính lãi xuyên suốt từ tháng 1/2013 đến tháng 8/2022 như Bản án sơ thẩm. Bởi lẽ năm 2013 đã trả 3 chỉ vàng, năm 2019 đã trả 11 chỉ vàng, nên số vàng thực tế từ năm 2016 đến nay không còn là 80 chỉ như khi vay để tính lãi 2.400.000 đồng/tháng. Do đó, phần này cần thiết phải sửa án như kháng nghị của Viện kiểm sát về phần tiền lãi phải trả.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo hướng nêu trên.

Về án phí: Bị đơn chị Ngô Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Vũ Thị N kiện đòi bị đơn chị Ngô Thị H số vàng mà chị H đã vay và kèm lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Như vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng nghị nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tHnh phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Bị đơn chị Ngô Thị H đề nghị giải quyết vắng mặt chị. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt người nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

[4.1] Về nội dung xác minh giá vàng tại thời điểm năm 2019: Cấp sơ thẩm chỉ xác minh tại Công ty Cổ phần Bắc Mật mà chưa thu thập tại các cơ sở để tính giá trung bình trung theo giá thị trường là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 01/12/2022, chị H có ý kiến xác nhận số tiền 35.000.000 đồng bà N mua

vật liệu tại cửa Hng của chị tương ứng với 11 chỉ vàng và đồng ý khấu trừ vào số vàng nợ gốc. Bà N cũng không có ý kiến gì về việc này. Do vậy, cần chấp nhận cách tính khấu trừ 35.000.000đồng tHnh 11 chỉ vàng như toà án cấp sơ thẩm đã xác định.

[4.2] Về nội dung kháng nghị về việc cần tuyên bị đơn trả nguyên đơn số nợ gốc là vàng: Tại thời điểm hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản vào tháng 5/2011, Bộ luật Dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật. Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.”* Chị H vay bà N 80 chỉ vàng, hai bên cũng không quy đổi hay có thoả thuận nào khác về việc chuyển số vàng tHnh tiền, như vậy cần chấp nhận nội dung này của kháng nghị, buộc chị H phải trả cho bà N 66 chỉ vàng mới đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và quyền lợi của nguyên đơn.

[4.3] Về nội dung kháng nghị về lãi suất: Căn cứ Thông tư 01/TTLT ngày 16/6/1997 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi Hnh án về tài sản, Ngân Hng nH nước đã chấm dứt việc huy động và cho vay vốn bằng vàng, không quy định về lãi suất huy động và cho vay vốn bằng vàng, không quy định về mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy nguyên kháng nghị về nội dung này là có căn cứ. Tuy nhiên, qua xác minh, chị H thừa nhận việc chị và bà N thoả thuận mức lãi suất của khoản vay là 2.400.000đồng/tháng đối với 80 chỉ vàng (theo sự thoả thuận này thì tiền lãi tương ứng 30.000đồng/1chỉ vàng) đây là sự tự nguyện thoả thuận của các bên. Xét thấy việc thoả thuận về lãi suất của các bên không trái quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với lãi suất, nhưng cũng cần xem xét tính lãi theo từng giai đoạn như Viện kiểm sát đã đề nghị:

Từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2016 = 38 tháng x 30.000đồng/1chỉ x 80 chỉ = 91.200.000 đồng;

Từ tháng 4/2016 đến tháng 8/2019 = 41 tháng x 30.000đồng/1chỉ x 77 chỉ = 94.710.000 đồng;

Từ tháng 9/2019 đến tháng 8/2022 = 36 tháng x 30.000đồng/1 chỉ x 66 chỉ = 71.280.000đồng;

Tổng cộng tiền lãi chị H phải trả cho bà N là 257.190.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát huyện T, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí sẽ tính lại để buộc chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị N: Buộc bị đơn là chị Ngô Thị H phải trả cho bà Vũ Thị N số vàng còn nợ là 66 chỉ vàng 9999 và số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 257.190.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: 66 chỉ vàng quy đổi ra tiền V Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 339.240.000 đồng và tiền lãi là 257.190.000 đồng, chị H phải chịu tiền án phí trên tổng số tiền 596.430.000 đồng. Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.857.200 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường